

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-5-2023
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Oanh và ông Lê Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Bảo Đ, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu phố S, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Chị Đặng Thị Thu T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trương Bảo Đ trình bày: Nguyên đơn và bị đơn chị Đặng Thị Thu T tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 13/01/2020 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, hai năm đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó khoảng 01 năm sau thì bị đơn đi làm ăn xa tại thành phố Hồ Chí Minh còn nguyên đơn làm việc tại tỉnh Phú Yên, cuộc sống vợ chồng ngày càng xa cách, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung nên không có hạnh phúc. Hiện chúng tôi đã sống ly thân nửa năm nay, không ai còn quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được giải quyết ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Đặng Thị Thu T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Trương Bảo Đ giữ nguyên ý kiến trình bày. Bị đơn chị Đặng Thị Thu T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Trương Bảo Đ được ly hôn với bị đơn chị Đặng Thị Thu T. Về con chung: Không có nên không xem xét. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Trương Bảo Đ xin ly hôn với bị đơn chị Đặng Thị Thu T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ tại thành phố T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Về giải quyết vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thành phố T đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Trương Bảo Đ và bị đơn chị Đặng Thị Thu T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2020, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2020, ngày 13 tháng 01 năm 2020 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, phát sinh những mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày. Xét thấy, mâu thuẫn

giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn anh Trương Bảo Đ được ly hôn với bị đơn chị Đặng Thị Thu T.

[2.2] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Trương Bảo Đ được ly hôn với bị đơn chị Đặng Thị Thu T.

Về con chung: Không có nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh Trương Bảo Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007870 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh P;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND phường P, TP. T, tỉnh Phú Yên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Vân

